

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

VPUBND TỈNH HÀ NAM	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: 15/11/2022
Chuyên:.....	

Ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW). Quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp được thông qua trong Nghị quyết, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương với những nội dung chính như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành để tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, sâu sắc Nghị quyết số 19-NQ/TW, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân nhằm cụ thể hóa các chỉ tiêu đề ra.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; xác định các nhiệm vụ chủ yếu gắn với trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương trong thực hiện Nghị quyết.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra kết quả việc tổ chức thực hiện Nghị quyết để kịp thời đôn đốc, tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc và bổ sung, cập nhật các chủ trương, chính sách của Trung ương, các nhiệm vụ mới bảo đảm phù hợp với yêu cầu đề ra.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Nông dân và người dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển hiện đại, sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn phát triển toàn diện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống trong lành; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,7%/năm (*giá so sánh năm 2010*). Tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 6%/năm.

- Cơ cấu nội bộ ngành: Chăn nuôi - thủy sản chiếm 58%, trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 30%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 12%; giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích canh tác gấp 1,3 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: Thu hoạch đạt 95%, gieo trồng đạt 70%, bảo quản chế biến đạt 60%.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

- Có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2030 tăng ít nhất 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%. (*Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80%*).

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 15%, lao động nông nghiệp được đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt $\geq 60\%$.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 4,5%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

1.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và người dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, thông minh, sản xuất hàng hoá tập trung ngày càng lớn, giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến nông sản theo chuỗi giá trị bền vững. Nông thôn hiện đại, điều kiện sống tiệm cận với đô thị, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ của nông dân và người dân nông thôn để ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản; tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Đây là nhiệm vụ ưu tiên, xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và người dân nông thôn theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái.

- Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức, nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là cho lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ, giảm lao động nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập.

- Đẩy mạnh các phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững; duy trì và nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới để hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi để nông dân và người dân nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ kỹ thuật; nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện về giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa và đảm bảo bình đẳng trong việc tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản cho nông dân và người dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm

(bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế), bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em; nâng cao năng lực, vị thế người phụ nữ trong nông thôn.

2.2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Thực hiện tốt nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo hướng cụ thể như sau:

- Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tập trung rà soát, xác định các sản phẩm chủ lực, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao có sức cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

+ Về trồng trọt: Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, cơ cấu lại sản xuất theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây ăn quả, rau, củ, quả, có giá trị kinh tế cao nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Đối với cây lúa, phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ, khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất và đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Triển khai thí điểm xây dựng các mô hình cánh đồng áp dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh, sử dụng phân bón hữu cơ, phân nano, dùng máy bay phun thuốc bảo vệ thực vật, cấy lúa bằng máy để đánh giá tổng kết và nhân rộng mô hình.

+ Về chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Phát triển các vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung gắn với tăng cường năng lực phòng, chống dịch bệnh và kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Chuyển đổi cơ cấu các loại vật nuôi như tăng dần tỷ trọng chăn nuôi gia cầm, bò thịt, ổn định đàn bò sữa... Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi.

- Đẩy mạnh chuyển đổi các vùng đã được quy hoạch chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản, mở rộng các mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ sông trong ao và khai thác có hiệu quả các lồng nuôi, tập trung phát triển các sản phẩm thủy sản có lợi thế, giá trị kinh tế cao như cá trắm đen, cá lăng.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi và công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến. Tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm chuyển dịch lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, giải thể các hợp tác xã yếu kém, hình thành các hợp tác xã và tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; đến hết năm 2030, có khoảng 80% hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và thành lập được 03 đến 05 liên hiệp hợp tác xã.

2.3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

- Triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn phù hợp với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ dựa trên khoa học - công nghệ; tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản chế biến, thương mại điện tử ở nông thôn.

- Rà soát quy hoạch và đẩy mạnh phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, tiếp cận thị trường theo chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển các sản phẩm đặc sản và truyền thống của địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ trong hoạt động sản xuất của làng nghề, ngành nghề nông thôn; chú trọng đào tạo, tôn vinh nghệ nhân và phát huy vai trò của các hiệp hội làng nghề trong liên kết sản xuất.

- Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn; có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là chế biến nông sản, thủy sản và liên kết với nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích phát triển và tăng cường mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội ngành nghề, ngân hàng trong sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, tín dụng.

2.4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

- Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” từ tinh đến cơ sở với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp thực tiễn.

- Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025; xem xét, thu hồi quyết định công nhận xã nông thôn mới ở các địa phương không duy trì được các tiêu chí theo quy định.

- Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn đồng bộ; triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ các địa phương xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, chú trọng chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, quy hoạch sử dụng đất; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã theo hướng hiện đại.

2.5. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND ngày 20/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp một cách thống nhất, phù hợp, tránh chồng chéo, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện đang áp dụng, từ đó điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế chính sách của tỉnh đảm bảo hiệu quả, lâu dài.

- Khuyến khích các hộ dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia tích tụ ruộng đất, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, hạn chế tình trạng hoang hóa đất nông nghiệp.

- Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các Chương trình, Đề án, dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020.

2.6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

- Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành

nông nghiệp; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo để khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực chính phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ gắn chuyển đổi số trong phát triển sản xuất nông nghiệp, quản lý nông thôn. Nông dân và người dân nông thôn được tiếp cận, thụ hưởng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mang lại. Nhất là, trong phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng, quảng bá các sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Khuyến khích phát triển các mô hình liên kết, hợp tác giữa các Viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề để đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao.

- Chú trọng ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện và có thể trở thành sản phẩm chủ lực của từng địa phương, tạo đột phá về năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Điều chỉnh cơ cấu đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng sát nhu cầu thực tế, tập trung vào các nghề, lĩnh vực thị trường có nhu cầu cao. Tiếp tục tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông viên cơ sở để nâng cao nghiệp vụ khuyến nông, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.

- Gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ cơ cấu lại kinh tế, góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh để phát triển kinh tế của tỉnh nói chung và khu vực nông thôn nói riêng.

2.7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, khoáng sản, rừng, nước gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

- Thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị; khai thác, phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai trong xây dựng và phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường nông thôn; xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Thực hiện các quy định về thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải; thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau sử dụng; quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản

xuất nông nghiệp theo quy định; triển khai, thực hiện có hiệu quả các mô hình phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ nhằm giảm lượng phát thải rác thải sinh hoạt ra môi trường.

2.8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

- Làm tốt công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, mời gọi doanh nghiệp trong và ngoài nước, ưu tiên thu hút doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào khâu chế biến nông sản và hợp tác, liên kết với doanh nghiệp trong nước để đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Tổ chức và tham gia các hội chợ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề để giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

- Tiếp tục phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản ngoài tỉnh, chú trọng thị trường Hà Nội, các tỉnh lân cận và hướng tới thị trường xuất khẩu.

2.9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp ở nông thôn

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, lựa chọn mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng thành công 2-3 mô hình/công việc; mỗi đơn vị cấp xã lựa chọn, xây dựng 01 mô hình/công việc tiêu biểu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế, tiềm năng, lợi thế của địa phương để tập trung thực hiện đảm bảo đạt hiệu quả, thực chất.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Xây dựng Hội Nông dân tỉnh vững mạnh, thực sự là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy phù hợp với thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị; bổ sung, cụ thể hóa các chỉ tiêu nêu trong Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy vào kế hoạch hằng năm và theo từng giai đoạn của địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tăng cường giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh vận động cán bộ đoàn viên, hội viên triển khai thực hiện; xây dựng chương trình giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

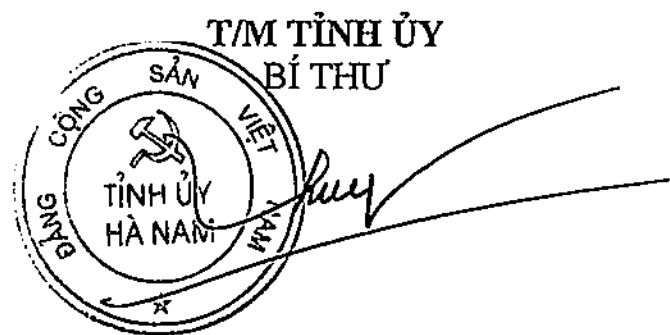
5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chương trình hành động. Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các Ban xây dựng Đảng TW, } (để báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các ban Đảng của Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Lê Thị Thủy